TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-PT
Ngày: 08 - 5 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh;

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 87/2023/TLPT-HS ngày 16/3/20223, đối với bị cáo Huỳnh Văn D và 08 bị cáo khác, về tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. HUỲNH VĂN D, sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn MS, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hoài T và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST Ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt Huỳnh Văn D 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án về tội "Đánh bạc", bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt; về nhân thân: Tại Bản án số 222/2008/HSST, ngày 06/8/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã xử phạt Huỳnh Văn D 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. ĐÀO NGỌC T, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 04/12;

giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc A và bà Nguyễn Thị D (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án 110/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã xử phạt Đào Ngọc T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án, về tội "Đánh bạc", đến ngày 09/6/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. LƯƠNG KHÁNH V, sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Sửa xe máy; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đ (đã chết) và bà Trần Thị Hòa T; bị cáo có vợ là Trần Thị Thúy U, sinh năm 2000 và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN KIM T1, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Ngọc H và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN TẤN N, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn V (đã chết) và con bà Huỳnh Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN VĂN B, sinh năm 1969 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Đoàn Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N và 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

7. TRẦN THỊ NGỌC D, sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn

C và bà Lê Thị Kim N (đã chết); bị cáo có chồng là Võ Đình T và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. NGUYỄN VĂN TH, sinh năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Tạ Thị H; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Như H và 01 con sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. LÊ S (tên gọi khác: T), sinh năm 1981 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (đã chết) và bà Trần Thị L; bị cáo có vợ là Mai Thị N (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự, Ngày 25/8/2021, bị Công an xã H, thành phố B, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" (Quyết định số: 003535/QĐ-XPHC), đã nộp phạt ngày 15/10/2021. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2022, đến ngày 03/7/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T đã thỏa thuận, thống nhất với nhau chung tiền để đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả xổ số kiến thiết (sau đây viết tắt là XSKT) đài miền Trung và XSKT đài miền Bắc trong các ngày 19/6/2022 và ngày 20/6/2022 với Nguyễn Văn V, Lương Khánh V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B, Bùi Quang M và người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Tại Cơ quan điều tra, Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T còn khai nhận: Vào các ngày 17/4/2022, 01/6/2022, 03/6/2022, 21/6/2022 và 23/6/2022, Huỳnh Văn D đã trực tiếp đánh bạc bằng hình thức ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả XSKT đài miền Trung và XSKT đài miền Bắc với Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn B, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Lương Khánh V, Nguyễn Tấn N. Ngày 23/6/2022, Đào Ngọc T trực tiếp đánh bạc bằng hình thức ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả XSKT đài miền Trung và XSKT đài miền Bắc với Trần Ngọc T. Ngoài ra, trong các ngày 20/6/2022 và 23/6/2022, Lương Khánh V đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức

nhận ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả XSKT đài miền Trung và XSKT đài miền Bắc với Lê Văn S, Mai Quang Tr, Huỳnh Văn T và các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rồi chuyển cho Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T để hưởng tiền chênh lệch; Nguyễn Kim T1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả XSKT đài miền Trung và XSKT đài miền Bắc với Lê S, Trần Thị Ngọc D, Trần Thanh Ph và 01 người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rồi chuyển cho Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T để hưởng tiền chênh lệch.

Hình thức đánh bạc và cách thắng, thua được quy ước như sau:

Người chơi đặt cược các con số tùy chọn, rồi dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của một tỉnh (gọi là đài) nhất định mở thưởng trong ngày để tính kết quả thắng thua; đối với các đài Nam, đài Trung sẽ có kết quả vào lúc 17 giờ 30 phút, còn đài Bắc là 18 giờ 30 phút hàng ngày. Kết quả thắng thua dựa trên kết quả mở thưởng của đài xổ số kiến thiết mà người chơi đã chọn, nếu trong cơ cấu giải thưởng có các con số tùy theo hình thức đánh mà người chơi đã bỏ tiền ra để đặt cược thì sẽ trúng (thắng cược) và ngược lại là thua cược.

Đối với hình thức đánh bao lô hai con số (hai càng), người chơi chọn bất kỳ một con số gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để đặt cược bao lô. Khi có kết quả xổ số trong ngày, nếu trong 18 giải của đài Trung hay 27 giải của đài Bắc, không phân biệt mà có 02 chữ số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược thì người chơi thắng cược theo tỷ lệ 01 điểm trúng đài Nam, đài Trung tương ứng số tiền thắng cược là 70.000 đồng, 01 điểm trúng đài Bắc tương ứng số tiền thắng cược là 72.000 đồng, còn nếu trong tất cả các giải không giải nào có hai chữ số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược thì người chơi thua số tiền đã đặt cược.

Đối với hình thức đánh bao lô ba con số (ba càng), người chơi chọn bất kỳ một con số gồm ba chữ số từ 000 đến 999 để đặt cược bao lô. Khi có kết quả xổ số trong ngày, nếu trong 17 giải của đài Trung (trừ giải tám có 01 dãy số gồm 02 chữ số) hay 23 giải của đài Bắc (trừ giải bảy có 04 dãy số gồm 02 chữ số), không phân biệt mà có 03 chữ số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược thì người chơi thắng cược theo tỷ lệ 01 điểm trúng cược tương ứng với số tiền là 500.000 đồng và 600.000 đồng, còn nếu trong tất cả các giải không giải nào có ba chữ số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược thì người chơi thua số tiền đã đặt cược.

Đối với hình thức đánh đầu - cuối hai càng, người chơi chọn bất kỳ một con số gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để đặt cược, đối với hình thức này thì người chơi chỉ đặt cược con số đã chọn vào giải 8 và giải đặc biệt đài Trung; giải 7 và giải đặc biệt đài Bắc; đối với hình thức đánh kề - cuối hai càng, người chơi chọn bất kỳ một con số gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để đặt cược, đối với hình thức này thì người chơi chỉ đặt cược con số đã chọn vào giải 7 và giải đặc biệt đài Trung; giải 6 và giải đặc biệt đài Bắc; đối với hình thức đánh kề đầu - cuối hai càng, người chơi chọn bất kỳ một con số gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để đặt cược, đối với hình thức này thì người chơi chỉ đặt cược con số đã chọn vào giải 8, giải 7 (kề giải tám) và giải đặc biệt đài Trung, giải 7, giải 6 (kề

giải bảy) và giải đặc biệt đài Bắc. Ở các hình thức này người chơi không cược theo điểm mà cược theo tỷ lệ đặt cược số tiền 1000 đồng thì thắng cược tương ứng số tiền là 70.000 đồng đối với đài Trung và 72.000 đồng đối với đài Bắc; còn nếu trong cơ cấu các giải không có số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược thì người chơi thua số tiền đã đặt cược.

Đối với hình thức đánh xiên hai bao lô hai càng (đá 2), người chơi chọn bất kỳ một hoặc nhiều hơn một cặp số gồm 02 chữ số không trùng nhau từ 00 đến 99 để đặt cược xiên hai bao lô. Khi có kết quả xổ số trong ngày, nếu trong 18 giải của đài Trung hay 27 giải của đài Bắc, không phân biệt mà có cặp số cuối trùng với cặp số mà người chơi đặt cược thì người chơi thắng cược theo tỷ lệ 01 điểm trúng xiên đài Trung tương ứng số tiền 500.000 đồng và đài Bắc tương ứng số tiền là 600.000 đồng còn nếu trong tất cả các giải không giải nào có cặp số cuối trùng với số mà người chơi đặt cược hoặc chỉ ra 01 số trong cặp số đã chọn thì người chơi thua và mất số tiền đã đặt cược.

Cách tính tiền đặt cược tương ứng các bị cáo nhận từ các con bạc rồi chuyển lên cái trên cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Huỳnh Văn D: Trường hợp D và Đào Ngọc T cùng chung tiền đánh bạc với các con bạc: Sau khi nhận số đề, bị cáo D tổng hợp lại rồi báo cho Đào Ngọc T biết để cùng thắng thua với các con bạc. D và T thống nhất nhận cược của con bạc 01 điểm bao lô đài miền Trung là 12.600 đồng, thắng được 70.000 đồng; đài miền Bắc 01 điểm bao lô là 20.600 đồng, thắng được 72.000 đồng; sau đó, D nhận của các con bạc 01 điểm bao lô đài miền Trung là 13.000 đồng và đài miền Bắc là 21.000 đồng để hưởng lợi 01 điểm bao lô đài miền Trung và đài miền Bắc là 400 đồng. Trường hợp Huỳnh Văn D một mình trực tiếp đánh bạc với các con bạc: D nhận từ các con bạc 01 điểm bao lô đài miền Trung là 13.000 đồng, thắng cược 70.000 đồng và đài miền Bắc là 21.000 đồng, thắng cược 72.000 đồng.

- Đối với bị cáo Đào Ngọc T một mình trực tiếp đánh bạc với các con bạc: T nhận từ các con bạc 01 điểm bao lô đài miền Trung là 13.500 đồng, thắng cược 70.000 đồng và đài miền Bắc là 22.000 đồng, thắng cược 72.000 đồng.

- Đối với bị cáo Lương Khánh V: Sau khi nhận số đề, V tổng hợp rồi chuyển lên cho Huỳnh Văn D nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: V nhận 01 điểm bao lô đài miền Trung là 14.000 đồng, chuyển cho D 13.000 đồng; 01 điểm bao lô đài miền Bắc là 22.000 đồng, chuyển cho D 21.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Kim T1: Sau khi nhận số đề, T1 tổng hợp rồi chuyển lên cho D nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: T1 nhận 01 điểm bao lô đài miền Trung là 13.500 đồng, chuyển cho D 13.000 đồng; 01 điểm bao lô đài miền Bắc là 21.000 đồng, chuyển cho D 21.000 đồng (không hưởng lợi gì).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận, cụ thể như sau:

- Ngày 17/4/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Văn Đ theo kết quả đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 390.000 đồng và đài miền Bắc

là 7.860.000 đồng; ngày 01/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia ghi số đề với Nguyễn Văn B, theo kết quả đài miền Bắc là 12.420.000 đồng; ngày 03/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1 theo kết quả đài miền Trung (Đài Gia Lai) là 25.885.000 đồng và đài miền Bắc là 28.080.000 đồng; ngày 14/6/2022, Huỳnh Văn D tiếp tục có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức ghi số đề cho Nguyễn Kim T1, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 17.900.000 đồng và đài miền Bắc là 9.030.000 đồng; ngày 19/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Văn V, theo kết quả đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 10.900.000 đồng, rồi gửi phơi đề cho Đào Ngọc T với số tiền 10.780.000 đồng (hưởng chênh lệch 120.000 đồng) để D và Đào Ngọc T cùng thắng thua với các con bạc; ngày 20/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Lương Khánh V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B, Bùi Quang M và 01 con bạc (chưa xác định nhân thân, lai lịch), theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 42.105.000 đồng và đài miền Bắc là 25.740.000 đồng, rồi gửi phơi đề cho Đào Ngọc T theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 41.643.000 đồng (hưởng chênh lệch 462.000 đồng) và đài miền Bắc là 25.348.000 đồng (hưởng chênh lệch 392.000 đồng) để D và Đào Ngọc T cùng thắng thua với các con bạc; ngày 21/6/2022, D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Văn Th, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 8.300.000 đồng và đài miền Bắc là 9.300.000 đồng; ngày 22/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đà Nẵng) là 10.200.000 đồng và đài miền Bắc là 4.590.000 đồng. Đến ngày 23/6/2022, Huỳnh Văn D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Tấn N và Lương Khánh V, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 36.402.000 đồng và đài miền Bắc là 28.710.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Huỳnh Văn D dùng để đánh bạc, cụ thể: Ngày 17/4/2022, theo đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 390.000 đồng và đài miền Bắc là 7.860.000 đồng; ngày 01/6/2022, theo đài miền Bắc là 12.420.000 đồng; ngày 03/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Gia Lai) là 25.885.000 đồng, đài miền Bắc là 28.080.000 đồng; ngày 14/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 17.900.000 đồng và đài miền Bắc là 9.030.000 đồng; ngày 19/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 10.900.000 đồng; ngày 20/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 42.105.000 đồng, đài miền Bắc là 25.740.000 đồng; ngày 21/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 8.300.000 đồng, đài miền Bắc là 9.300.000 đồng; ngày 22/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Đà Nẵng) 10.200.000 đồng, đài miền Bắc là 4.590.000 đồng; ngày 23/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Bình Định) là 36.402.000 đồng và đài miền Bắc là 28.710.000 đồng.

- Ngày 19/6/2022, Đào Ngọc T có hành vi góp tiền cùng với Huỳnh Văn D để đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với Nguyễn Văn V, theo kết quả đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 10.780.000 đồng; ngày 20/6/2022, Đào Ngọc T đã góp tiền cùng với Huỳnh Văn D để đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với Lương Khánh V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B, Bùi Quang M và 01 con bạc (chưa

xác định lai lịch) theo đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 41.643.000 đồng, đài miền Bắc là 20.188.000 đồng; ngày 23/6/2022, Tài đã ghi số đề với Trần Ngọc T theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 14.445.000 đồng, đài miền Bắc là 2.420.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Đào Ngọc T dùng đánh bạc như sau: Ngày 19/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Kon Tum) 10.780.000 đồng; ngày 20/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 41.643.000 đồng và đài miền Bắc là 20.188.000 đồng; ngày 23/6/2022, theo đài miền Trung (Đài Bình Định) là 14.445.000 đồng và đài miền Bắc là 2.420.000 đồng.

- Ngày 03/6/2022, Nguyễn Kim T1 đã tham gia đánh bạc ghi số đề với các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch), theo kết quả đài miền Trung (Đài Gia Lai) là 10.182.500 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 11.520.000 đồng, rồi tổng hợp số đề, cùng với tiền tự đánh bạc là 15.950.000 đồng (Đài Gia Lai) và 16.560.000 đồng (đài miền Bắc) gửi lên cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch số tiền 247.500 đồng (Đài Gia Lai). Ngoài ra, T1 còn trực tiếp tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề theo kết quả XSKT đài miền Trung (tỉnh Gia Lai) và đài miền Bắc với Huỳnh Văn D, tổng số tiền đánh bạc đài miền Trung (tỉnh Gia Lai) là 15.950.000 đồng và đài miền Bắc là 16.560.000 đồng; ngày 14/6/2022, Nguyễn Kim T1 đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Lê S, Trần Thị Ngọc D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 18.050.000 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 9.030.000 đồng, rồi tổng hợp số đề gửi lên cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch số tiền 150.000 đồng (Đài Đắk Lắk); ngày 22/6/2022, Nguyễn Kim T1 đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Trần Thanh Ph, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đà Nẵng) là 10.350.000 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 4.590.000 đồng, rồi tổng hợp số đề gửi lên cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch số tiền 150.000 đồng (Đài Đắk Lắk); ngày 23/6/2022, Nguyễn Kim T1 đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Lê S, Trần Thị Ngọc D và Trần Thanh Ph, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 6.850.000 đồng, theo kết quả đài miền Bắc là 2.490.000 đồng và giữ lại trực tiếp thắng thua với các con bạc.

- Ngày 20/6/2022, Nguyễn Tấn N đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 9.105.000 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 9.030.000 đồng. Đến ngày 23/6/2022, N đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 15.530.000 đồng và theo đài miền Bắc là 20.370.000 đồng.

- Ngày 01/6/2022, Nguyễn Văn B đã đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Bắc là 12.420.000 đồng; ngày 20/6/2022, Bất đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Bắc là 5.520.000 đồng.

- Ngày 14/6/2022, Trần Thị Ngọc D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 9.700.000 đồng. Đến ngày 23/6/2022, D đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 5.500.000 đồng.

- Ngày 20/6/2022, Nguyễn Văn Th tham gia ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 1.300.000 đồng và đài miền Bắc là 2.100.000 đồng. Đến ngày 21/6/2022, Th đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 8.300.000 đồng và đài miền Bắc là 9.300.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền sử dụng đánh bạc của Nguyễn Văn Th ngày 21/6/2022 theo đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 8.300.000 đồng và đài miền Bắc là 9.300.000 đồng.

- Ngày 22/6/2022, Trần Thanh Ph đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1, theo kết quả đài miền Trung (Đài Đà Nẵng) là 10.350.000 đồng và đài miền Bắc là 4.590.000 đồng. Đến ngày 23/2022, Ph đã tham gia đánh bạc ghi số đề với T1, theo kết quả đài miền Bắc là 2.490.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền sử dụng đánh bạc của Trần Thanh Ph ngày 22/6/2022 theo đài miền Trung (Đài Đà Nẵng) là 10.350.000 đồng.

- Ngày 14/6/2022, Lê Sang đánh bạc với Nguyễn Kim T1 dưới hình thức ghi số lô đề theo kết quả đài miền Trung (tỉnh Đắk Lắk), tổng số tiền đánh bạc là 8.350.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc là 1.350.000 đồng, tiền thắng là 7.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2022, Lê S đánh bạc với Nguyễn Kim T1 dưới hình thức ghi số lô đề theo kết quả đài miền Trung (tỉnh Bình Định) tổng số tiền đánh bạc là 1.350.000 đồng, S không trúng số nào, tiền thắng thua, S và T1 chưa chung chi cho nhau. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Lê S sử dụng đánh bạc của ngày 14/6/2022 theo đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) là 8.350.000 đồng và ngày 23/6/2022 theo đài miền Trung (Đài Bình Định) là 1.350.000 đồng.

- Ngày 17/4/2022, Nguyễn Văn Đ đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 390.000 đồng và đài miền Bắc là 7.860.000 đồng. Đến ngày 20/6/2022, Đ đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 650.000 đồng và đài miền Bắc là 780.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền sử dụng đánh bạc của Đ ngày 17/4/2022, theo đài miền Bắc là 7.860.000 đồng.

- Ngày 23/6/2022, Lê Văn S đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Lương Khánh V, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 16.800.000 đồng và đài miền Bắc là 4.400.000 đồng.

- Ngày 23/6/2022, Trần Ngọc T đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Đào Ngọc T, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 14.445.000 đồng và đài miền Bắc là 2.420.000 đồng.

- Ngày 19/6/2022, Nguyễn Văn V đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo đài miền Trung (Đài Kon Tum) là 10.900.000 đồng.

- Ngày 20/6/2022, Lương Khánh V đã tham gia tổ chức đánh bạc, ghi số đề với các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch), theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 21.390.000 đồng và đài miền Bắc là 6.580.000 đồng, rồi Viễn tổng hợp lại gửi hết cho Huỳnh Văn D hưởng chênh lệch, theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là

21.090.000 đồng (hưởng chênh lệch số tiền 300.000 đồng) và đài miền Bắc là 6.330.000 đồng (hưởng chênh lệch số tiền 250.000 đồng); ngày 23/6/2022, Lương Khánh V đã tổ chức đánh bạc ghi số đề cho Lê Văn S, Mai Quang Tr và Huỳnh Văn T, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 20.860.000 đồng và đài miền Bắc là 4.400.000 đồng, rồi tổng hợp lại gửi hết cho Huỳnh Văn D hưởng chênh lệch, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 20.470.000 đồng (hưởng chênh lệch số tiền 390.000 đồng) và đài miền Bắc là 4.200.000 đồng (hưởng chênh lệch số tiền 200.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2022/HS-ST, ngày 06/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S phạm tội "Đánh bạc"; bị cáo Lương Khánh V phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn D 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số: 52/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022 và thời gian đã bị tạm giữ theo Bản án số 52/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 20/8/2019 đến ngày 30/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

2. Xử phạt bị cáo Đào Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

3. Xử phạt: Lương Khánh V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

4. Xử phạt: Nguyễn Kim T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

5. Xử phạt: Nguyễn Tấn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

6. Xử phạt: Nguyễn Văn Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

7. Xử phạt: Trần Thị Ngọc D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

8. Xử phạt: Nguyễn Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Xử phạt: Lê S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh Ph, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S, Trần Ngọc T và Nguyễn Văn V; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 07, 08, 09, 10 và 16/02/2023, các bị cáo Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T, có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Lương Khánh V và bị cáo Trần Thị Ngọc D xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Th và Lê S kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Lương Khánh V phạm về "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Huỳnh Văn D, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Trần Thị Ngọc D và Nguyễn Văn B, là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Văn D và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lương Khánh V,

Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Th, là không có cơ sở chấp nhận. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là: Đào Ngọc T 01 năm 06 tháng tù, Nguyễn Tấn N 01 năm 06 tháng tù và Lê S 01 năm tù, là có phần nghiêm khắc so với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo T, N và S, tuy nhiên các bị cáo này đều phạm tội nhiều lần nên cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo với xã hội để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn D, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lương Khánh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đào Ngọc T, Nguyễn Tấn N và Lê S, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Ngọc T 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn N 01 năm 03 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Lê S 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Huỳnh Văn D và Đào Ngọc T đã thỏa thuận, thống nhất với nhau chung tiền để đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số lô đề thắng thua bằng tiền thông qua kết quả xổ số kiến thiết của đài miền Trung và đài miền Bắc với các đối tượng đánh bạc bằng hình thức ghi số đề. Trong các ngày 17/4/2022, 01/6/2022, 03/6/2022, 19/6/2022, 20/6/2022, 21/6/2022 và 23/6/2022, bị

cáo Huỳnh Văn Dương, bị cáo Đào Ngọc T và các bị cáo khác đã đánh bạc thắng thu bằng tiền dưới hình thức ghi số đề, như sau:

- Đối với bị cáo Huỳnh Văn D: Từ ngày 17/4/2022 đến ngày 23/6/2022, bị cáo đã tham gia đánh bạc với các con bạc dưới hình thức ghi số đề theo kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh, trong đó có 14 lần có tổng số tiền đặt cược và thắng cược 01 lần từ trên 5.000.000 đồng đến 42.105.000 đồng.

- Bị cáo Đào Ngọc T: Vào các ngày 19/6/2022, 20/6/2022 và 23/6/2022, bị cáo đã 04 lần tham gia đánh bạc có tổng số tiền đặt cược và thắng cược 01 lần từ trên 5.000.000 đồng đến 41.643.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Kim T1: Tham gia ghi số đề của người chơi, rồi tổng hợp chuyển cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch, ngoài ra bị cáo còn giữ lại trực tiếp cá cược thắng thua với những người chơi. Trong thời gian từ ngày 03/6/2022 đến ngày 23/6/2022, bị cáo đã 06 lần ghi số đề có tổng số tiền đặt cược và thắng cược 01 lần từ trên 5.000.000 đồng đến 18.050.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Tấn N: Ngày 20/6/2022, đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) là 9.105.000 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 9.030.000 đồng; ngày 23/6/2022, đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 15.530.000 đồng và theo kết quả đài miền Bắc là 20.370.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn B: Đã tham gia đánh bạc ghi số đề với Huỳnh Văn D, cụ thể: Ngày 01/6/2022, ghi số đề theo kết quả đài miền Bắc là 12.420.000 đồng và ngày 20/6/2022 ghi số đề theo kết quả đài miền Bắc là 5.520.000 đồng.

- Bị cáo Trần Thị Ngọc D: Đánh bạc với Nguyễn Kim T1 bằng hình thức ghi số đề, cụ thể: Ngày 14/6/2022, ghi số đề theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk) số tiền là 9.700.000 đồng và ngày 23/6/2022, ghi số đề theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định), số tiền là 5.500.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn Th: Ngày 21/6/2022, bị cáo đánh bạc với Huỳnh Văn D dưới hình thức ghi số đề theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk), số tiền là 8.300.000 đồng và đài miền Bắc số tiền là 9.300.000 đồng.

- Bị cáo Lê S tham gia đánh bạc ghi số đề với Nguyễn Kim T1 vào ngày 14/6/2022 theo kết quả đài miền Trung (Đài Đắk Lắk), số tiền là 8.350.000 đồng; ngoài ra, ngày 23/6/2022, bị cáo còn ghi số đề với T1 theo đài miền Trung (Đài Bình Định), số tiền là 1.350.000 đồng.

- Bị cáo Lương Khánh V: Ngày 20/6/2022, bị cáo ghi số đề với các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch), theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên), số tiền là 21.390.000 đồng và đài miền Bắc số tiền là 6.580.000 đồng, sau đó tổng hợp lại gửi hết cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch, theo kết quả đài miền Trung (Đài Phú Yên) được hưởng chênh lệch số tiền 300.000 đồng và đài miền Bắc hưởng chênh lệch số tiền 250.000 đồng. Ngày 23/6/2022, bị cáo ghi số đề cho Lê Văn S, Mai Quang Tr

và Huỳnh Văn T, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) là 20.860.000 đồng và đài miền Bắc là 4.400.000 đồng, rồi tổng hợp lại gửi hết cho Huỳnh Văn D hưởng chênh lệch, theo kết quả đài miền Trung (Đài Bình Định) hưởng chênh lệch số tiền 390.000 đồng và đài miền Bắc hưởng chênh lệch số tiền 200.000 đồng.

[2] Như vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; xét xử bị cáo Lương Khánh V về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[3] Đối với kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Văn D, xét thấy: Bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc và trực tiếp đánh bạc với với các con bạc khác, số lần bị cáo đánh bạc và số tiền đánh bạc nhiều nhất; bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích, nên mức hình phạt 02 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; bản án sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án khác, cụ thể: Tại Bản án số 52/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, nhưng bị cáo đã phạm tội mới trong thời gian thử thách. Do đó, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T: Bị cáo cùng chung tiền với bị cáo Huỳnh Văn D để đánh bạc, nhưng số lần tham gia ít và tính chất, mức độ tham gia là hạn chế hơn nhiều so với bị cáo D. Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, đồng thời hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay thật sự khó khăn. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là phù hợp.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Lương Kháng V: Bị cáo đã tổ chức cho các con bạc đánh bạc nhiều lần, nhận ghi số đề với những người chơi, rồi tổng hợp chuyển cho Huỳnh Văn D để hưởng chênh lệch, nên bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng về hành vi phạm tội đã thực hiện và cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo; về mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, là không có cơ sở chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3.4] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B và Trần Thị Ngọc D, xét thấy: Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử

phạt đối với bị cáo Nguyễn Kim T1 là 01 năm 06 tháng tù và mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B và Trần Thị Ngọc D, là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; các bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo với xã hội để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, là không có cơ sở chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3.5] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn N và bị cáo Lê S, xét thấy: Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn N là 01 năm 06 tháng tù và bị cáo Lê S 01 năm tù, là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; các bị cáo tham gia với số tiền ít, tính chất thắng thua không lớn; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao đồng chính trong gia đình, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội nhiều lần, bị cáo Lê S đã có tiền sự về hành vi đánh bạc, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành nhưng công dân tốt. Do đó kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N và bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Văn D, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B và Trần Thị Ngọc D, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Đào Ngọc T, Nguyễn Tấn N và Lê S, được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn D, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Trần Thị Ngọc D và Nguyễn Văn B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST, ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn D, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Trần Thị Ngọc D và Nguyễn

Văn B.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T, Nguyễn Tấn N và Lê S; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST, ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo Đào Ngọc T, Nguyễn Tấn N và Lê S.

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn D, Đào Ngọc T, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Văn B, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Th và Lê S (tên gọi khác: T) phạm tội "Đánh bạc"; bị cáo Lương Khánh V phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

2.1. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn D 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo của Bản án số: 52/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022 và thời gian đã bị tạm giữ của Bản án số 52/2019/HS-ST ngày 28/8/2019, là từ ngày 20/8/2019 đến ngày 30/8/2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

2.2. Xử phạt: Bị cáo Đào Ngọc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều của 51 Bộ luật hình sự:

2.3. Xử phạt: Bị cáo Lương Khánh V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

2.4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

2.5. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

2.6. Xử phạt: Trần Thị Ngọc D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

2.7. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

2.8. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

2.9. Xử phạt: Lê S (tên gọi khác: T) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 03/7/2022.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Văn D, Lương Khánh V, Nguyễn Kim T1, Nguyễn Văn Th, Trần Thị Ngọc D và Nguyễn Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đào Ngọc T, Nguyễn Tấn N và Lê S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND TP.BMT;
- VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- Cơ quan THAHS. TP.BMT;
- Chi cục THADS TP.B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình